

## VĂN CHƯƠNG HÁT XÂM

Muốn tìm hiểu về văn chương hát xẩm, cần thiết trước hết là phải định nghĩa và định hình hát xẩm. Ta có thể tìm thấy trong cuốn Tự điển Tiếng Việt đầu tiên theo mẫu tự Latin, Tự điển Annam-Lusitan-Latin do giáo sĩ Alexandre De Rhodes biên soạn, xuất bản tại Rome năm 1651, chữ “*xâm*: Người mù, nói một cách khinh bỉ. *Rõan xâm*: một đoàn thằng mù. Nói theo cách kính trọng là *quáng mắt*.”<sup>1</sup>

Như vậy, Hát xẩm là một bộ môn ca hát của người mù được hình thành trong bối cảnh xã hội mà người mù hầu như không được tôn trọng. Hát xẩm là hình loại ca nhạc dân gian đã xuất hiện ở vùng trung châu Bắc Bộ, Việt Nam từ rất lâu đời, có thể từ những thập niên đầu thế kỷ 20. Điều đặc biệt của hình loại ca nhạc dân gian này, đây là nghề nghiệp chuyên môn kiếm sống của một số người khiếm thị có năng khiếu âm nhạc.

### I. Vài định nghĩa về thể thơ lục bát và song thất lục bát sử dụng trong hát Xẩm:

Hát Xẩm xuất phát và hình thành từ dân gian, cho nên hát Xẩm là một thể loại văn hóa dân gian. Trong văn hóa dân gian có văn chương dân gian. Việt Nam ta có một gia tài văn chương dân gian phong phú và đa dạng. Đó là ca dao, phong dao, phương dao và đồng dao, tục ngữ, châm ngôn, vè, vv... Văn chương dân gian được chất lọc và thành tựu qua thời gian. Các hình thái nhạc cổ truyền hay dân ca Việt Nam luôn quan hệ mật thiết hay phải nói là được khởi nguyên từ văn hóa dân gian. Trong văn hóa dân gian, dù ca dao tục ngữ, hay nhạc cổ truyền, dân ca, thơ lục bát được sử dụng như một thể điệu phổ biến nhất.

Vì lục bát vẫn điệu nhịp nhàng, uyển chuyển nên rất dễ nhớ, câu trước đây câu sau đi, câu sau tiếp nhận năng lượng của câu trước. Và cũng vì thể thơ này mang đủ hồn vía, và dân tộc tính Việt Nam. Hát Xẩm cũng vậy. Hầu hết những bài hát Xẩm là thơ lục bát phá cách. Chỉ một số ít bài theo thể song thất lục bát cũng phá cách phóng túng như tất cả các thể điệu hát nói khác. Thậm chí còn có vẻ phá cách phóng túng hơn.

Một khổ thơ lục bát thường là bốn câu. Nhưng điệu dụng của lục bát là làm bao nhiêu câu cũng được. Ca dao có bài lên tới mười câu như bài Mười Thương. Hai mươi câu như bài Thách Cưới. Hát Xẩm cũng có<sup>ii</sup> thậm chí trên hai nghìn câu như Truyện Kiều của cụ Tiên Điền Nguyễn Du. Và ngược lại, có khi cũng chỉ cần nửa khổ hai câu thôi, một sáu một tám, có đây rầy trong ca dao tục ngữ Việt Nam và ở khắp cả ba miền:

“Gió đưa cây cải về trời  
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.”

(Ca dao miền Nam)

“Học trò xứ Quảng ra thi  
Thấy cô gái Huế chân đi không đành”

(Ca dao miền Trung)

“Yêu nhau cởi áo cho nhau  
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay”

(Ca dao miền Bắc)

Chỉ hai câu thôi, nhưng gói ghém rất trọn vẹn những ý nghĩa muốn gửi gắm. Luật thơ lục bát rất rõ ràng và không khó. Chữ cuối của câu sáu tiếng, chữ thứ sáu của câu tám chữ và chữ cuối của câu tám đều phải vần bằng. Trong một khổ bốn câu thì chữ cuối của câu một (câu sáu tiếng/ âm tiết) phải vần với chữ thứ sáu của câu hai (câu tám tiếng). Chữ cuối của câu hai (tám tiếng) phải vần với chữ cuối của câu ba (sáu tiếng). Chữ cuối của câu ba (sáu tiếng) sẽ vần với chữ thứ sáu của câu bốn (tám tiếng). Và cứ như vậy.

Lục bát là một thể thơ cực kì phổ biến của dân tộc Việt Nam, tương tự như thể Iambic Tetrameter hoặc Iambic Pentameter trong Tiếng Anh. Có vẻ như người Việt Nam nào cũng có thể viết được vài ba câu thơ lục bát. Nhưng thực sự trong giới nhà thơ Việt Nam, những người thành danh bằng thơ lục bát không có bao nhiêu. Lục bát đòi hỏi người viết nó phải cực kì nhuần nhuyễn ngôn ngữ Việt. Lục bát tuy đơn giản, nhưng có những biến ảo lạ lùng của nó. Một bài lục bát thường kết thúc bằng câu tám. Dù là một khổ hay sáu câu hay nhiều hơn nữa. Dừng ở câu tám tiếng xem như một sự hoàn tất. Cũng tạo được giảm giác kết thúc với người đọc hoặc người nghe. Nhưng cố tình kết thúc ở câu sáu tiếng, hoặc ngắt hơi ở câu sáu tiếng thì lại là vấn đề khác. Tức là người viết hoặc chính bài thơ cuốn độc giả đi tìm những ý lời chưa nói ra ở câu chữ hoặc nằm giữa những câu chữ.

Tôi vốn là một nhà thơ. Ba mươi năm trước, tôi cũng đã sáng tác khá nhiều thơ lục bát. Tôi cũng có dăm bài lục bát chấm dứt ở câu sáu. Xin gửi đến quý độc giả một bài ngắn để dùng làm ví dụ để nói về thơ lục bát:

“Lá mưa  
Lá mưa rớt ngang tay người  
Tiếc chi em một nụ cười chết duyên  
Qua sông này khúc oan khiên  
Đắm thuyền em cứ ván thuyền mà ôm  
Mai kia sóng vỗ bèo tan  
Về qua chón cũ cỏ vàng bến sông  
Hỏi lòng, lòng lại dặn lòng”  
(Thơ TNH, 1989)

Chữ cuối của câu một sáu chữ là (người) vần với chữ thứ sáu của câu kế tám chữ là (cười). Chữ cuối của thứ nhì tám chữ là (duyên) vần với chữ cuối của câu ba sáu chữ là (khiên). Chữ này vần với chữ thứ sáu của câu bốn tám chữ là (thuyền). Chữ cuối của câu bốn tám chữ này là (ôm) lại vần (không chỉnh lắm) với chữ cuối câu sáu chữ tức là câu bắt đầu cho một khổ mới và là câu thứ năm của bài thơ. Chữ cuối của câu này là (tan) vần với chữ thứ sáu của câu sáu tám chữ là (vàng). Chữ cuối của câu thứ sáu tám chữ này là (sông) vần với chữ cuối của câu sáu chữ cũng là chữ cuối của bài thơ là “lòng”.

Bài thơ được buông lửng bằng một câu sáu chữ:

“Hỏi lòng, lòng lại dặn lòng”

Người đọc sẽ phải thắc mắc là lòng lại dặn lòng thế nào, ra sao, trong hoàn cảnh này. Cuối cùng sẽ có bạn đọc tham dự vào việc suy diễn cái thế nào ra sao ấy. Một bài thơ lục bát dừng ở câu sáu chữ, ngoài hiệu ứng thúc đẩy người đọc hợp tác với người viết lại còn nhiều công năng khác. Và

từ khi nguyên cứu về hát Xẩm, tôi đã lý thú khám phá ra. Chẳng những bài hát Xẩm nào cũng chấm dứt bằng câu sáu chữ, mà câu dừng ở mỗi khổ hát để cho nghệ nhân biểu diễn ngón đàn xuyên tâm lưu không cũng là một câu sáu chữ. Câu sáu chữ của khổ trên sẽ được nghệ nhân lặp lại để bắt đầu khổ mới. Như vậy giữa hai khổ là tiếng đàn xuyên tâm lưu không và câu lục cuối của khổ trên lại là câu bắt đầu của khổ dưới. Sau đây là một bài “Riềm Huê”<sup>iii</sup>

“Thiếp mới gặp chàng  
Chàng vừa gặp thiếp đôi đàng gặp nhau  
Gặp chàng đây mời chàng xoi nước xoi trầu  
(Hết khổ, xuyên tâm lưu không)  
Gặp chàng đây mời chàng xoi nước xoi trầu  
Bằng lòng thương yêu lấy thiếp bảo về đâu thiếp cũng về  
Thiếp say chàng quá đổi nên mê  
Chàng về cho thiếp đi kẻ theo sau  
Kẻ từ ngày ta mới gặp nhau  
(Hết khổ)  
Kẻ từ ngày ta mới gặp nhau  
Thầm yêu trộm nhớ bấy lâu không rời  
Em nhớ thương chàng lấm lấm chàng ơi  
Tài này sắc ấy xứng đôi vợ chồng  
Em chỉ muốn cho loan phụng một phòng  
(Hết khổ)  
Em chỉ muốn cho loan phụng một phòng  
Loan ôm lấy phụng phụng bông lầy loan  
Chàng mà đi đâu em tưởng nhớ trăm đàng  
Ủ ê mảy liễu dạ càng kém tươi  
Bâng khuâng em nhớ cảnh thôi lại nhớ người  
(Hết khổ)  
Bâng khuâng em nhớ cảnh thôi lại nhớ người  
Nhớ nơi đôi ta kỳ ngộ để nỗi chẳng rời chân ra  
Cành hồng nhác thấy nẻo xa  
Xuân lan thu cúc mạn mà cả đôi  
Ước mong sao đôi ta khắng khít trọn đời”

Toàn bộ bài này theo thể thơ lục bát phá cách mà ông Trần Việt Ngữ gọi là “đôi chữ.” Tôi sẽ (thu xếp) để bài hát trở lại là bài thơ lục bát bình thường hầu bạn đọc:

“Thiếp mới gặp chàng  
Chàng vừa gặp thiếp đôi đàng gặp nhau  
Mời chàng xoi nước xoi trầu  
Chàng mà thương thiếp về đâu cũng về  
Thiếp say chàng quá nên mê  
Chàng về cho thiếp đi kẻ theo sau  
Từ ngày ta mới gặp nhau  
Thầm yêu trộm nhớ bấy lâu không rời

Em thương chàng lắm chàng ơi  
Tài này sắc ấy xứng đôi vợ chồng  
Muốn cho loan phụng một phòng  
Loan ôm lấy phụng phụng bông lấy loan  
Chàng đi em nhớ trăm đàng  
Ủ ê mày liễu dạ càng kém tươi  
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người  
Nhớ nơi kỳ ngộ chẳng rời chân ra  
Cành hồng nhác thấy nẻo xa  
Xuân lan thu cúc mặn mà cả đôi  
Duyên ta kháng khí trọn đời”

Trong bài hát Xẩm này, những chữ thêm vào hầu như không có tiếng nào là tiếng đệm mà mỗi chữ được dùng làm mạnh thêm ý tình của câu hát. Ví dụ:

(Gặp chàng đây) mời chàng xơi nước xơi trà  
Bằng lòng thương (yêu đến) thiếp (bảo) về đâu (thiếp) cũng về  
Những phá cách trong lời ca một bài hát Xẩm là chuyện thường xảy ra trong mỗi lần trình diễn. Nghệ nhân Xẩm sẽ nương theo hưng phấn của trạng huống mà thể hiện. Nhưng dù phá cách thế nào thì vẫn giữ những vần như (yêu vận, vần lưng): chữ cuối của câu sáu chữ vần với chữ thứ sáu của câu tám chữ. Kết vần (vần chân): chữ cuối của câu tám chữ vần với chữ cuối của câu sáu chữ kế đó. Mặc dù chữ hợp vận có bị xô dịch do thêm chữ.

Hiệu ứng khoảng cách giữa hai khổ trước khi nghệ nhân biểu diễn ngón đàn xuyên tâm lưu không là một câu sáu chữ. Câu lục cuối khổ trên làm cho người nghe háo hức chờ đợi. Câu sáu chữ này được lặp lại ở khổ dưới khi vừa dứt tiếng đàn tạo cho người nghe cái cảm giác “à đây rồi cái điều mình chờ đợi.” Nhưng rồi bài hát Xẩm nào cũng ngang nhiên kết thúc bằng câu lục. Điểm này làm cho khán thính giả nghe hát Xẩm phải ám ức, muốn nghệ nhân xẩm phải tiếp tục trình diễn cho mình thưởng ngoạn.

Tương cũng nên nói sơ qua về thể loại song thất lục bát. Như tên gọi, khổ thơ song thất lục bát gồm 4 câu. Câu trên mỗi câu 7 chữ (song thất) rồi tới hai câu lục bát. Chữ cuối của câu bảy chữ đầu phải vần trắc, có thể vần với chữ thứ 2, thứ 3, hoặc thứ 5 của câu 7 chữ tiếp theo. Chữ cuối của câu này phải vần bằng, hợp vận với chữ cuối của câu lục sau đó. Chữ cuối của câu lục này cũng sẽ vần với chữ thứ 6 của câu tám. Chữ cuối của câu này, cũng là cuối của khổ thơ có thể vần với chữ thứ 3 hoặc 5 của câu thất trong khổ thơ tiếp theo, và cứ như vậy. Nhạc tính trong thơ song thất lục bát có khác với nhạc tính trong thơ lục bát. Âm hưởng của lục bát nhẹ nhàng như nước chảy mây trôi còn song thất lục bát thì có hơi hướm bi hùng.

Xin đơn cử thêm vài đoạn hát Xẩm theo thể thơ song thất lục bát, để bạn đọc có đầy đủ khái niệm về hát Xẩm: (Điệu Chên bong<sup>iv</sup>)

“Ta với mình đương cơn kì ngộ  
Chẳng duyên thì nợ chẳng vợ thì chồng  
Giấy hồng đem phong đôi chữ thọ  
Gửi bức thư về thăm cả họ bình yên

...  
Mình chẳng lấy ta ắt là mình thiệt  
Ta không lấy mình ta biết lấy ai  
Răng đen còn có khi phai  
Má hồng khi nhạt tóc dài khi thưa”

Những câu thất trong bài này bị phá cách đến nỗi có còn ai nhận ra được đó là câu thất. Nghệ nhân Xẩm quả thật tinh nghịch phóng túng với lời ca. Thậm chí có hai câu lục bát trong bài mà chữ cuối của câu lục được gieo vần trắc vần với chữ thứ sáu của câu tám chữ dĩ nhiên cũng vần trắc.

Tôi xin lọc lại hai khổ thơ hát Xẩm trên để thành thể thơ Song Thất Lục Bát thường tức là không giữ những chữ thêm vào:

“Ta với mình đương con kỳ ngộ  
Chẳng duyên nợ thì cũng vợ chồng  
Giấy hồng đem phong đôi chữ thọ  
Gửi thư về thăm cả họ bình yên”

...  
Mình chẳng lấy ta ắt là mình thiệt  
Ta không lấy mình ta biết lấy ai  
Răng đen còn có khi phai  
Má hồng khi nhạt tóc dài khi thưa”

Hầu hết các bài hát Xẩm là công trình chung của dân gian (từ một số ít bài có tác giả) bài hát Xẩm được hình thành từ dân gian và được đưa tới cho nghệ nhân Xẩm biểu diễn. Nghệ nhân Xẩm cùng các thính giả của mình cùng hợp tác trong việc hoàn chỉnh một bài hát Xẩm. Qua thời gian, nghệ nhân trình diễn, các thính giả góp ý và sửa đổi. Do đó hát Xẩm luôn có tính hồn nhiên trong sáng. Có thể gieo cọt hoặc châm biếm một thói xấu nào đó, nhưng không bao giờ là chê bai ác ý. Bởi tôn chỉ của hát Xẩm là tạo niềm vui cho mọi người.

## II. Tổng thể cấu trúc của văn chương hát xẩm:

Các hình loại ngôn ngữ trong văn chương hát xẩm: Vì là hình loại ca nhạc do người mù trình diễn nên tổng thể cấu trúc của văn chương hát xẩm khá phức hợp. Các yếu tố trình diễn cũng giữ vai trò quan trọng trong việc thể hiện văn chương hát xẩm. Không phải chỉ lời ca, mà âm thanh của những nhạc khí đồng hành, hoặc tùy lúc tùy chỗ mà cả điệu bộ diễn xuất của nghệ nhân cũng đều là những hình loại ngôn ngữ của văn chương hát xẩm. Còn lại là làn điệu và chủ đề bài bản.

Chúng ta sẽ lướt qua lời ca hát xẩm qua từng thể điệu.

1. Lời ca, chủ thể dẫn đạo sự chuyển động của văn chương hát xẩm: Tuy vẫn lệ thuộc vào truyền thống ca nhạc và sân khấu cổ truyền Việt Nam là tôn trọng những đặc điểm của tiếng nói, tức lời ca (người xưa không hề bắt lời theo nhạc để chọn chữ bỏ dấu mà ngược lại, phải từ giọng là tiếng nói bản địa mà tạo dựng giai điệu,) nhưng nghệ nhân hát xẩm vẫn có những phá cách riêng của họ khi trình diễn. Tiếng Việt có 5 dấu, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Một chữ Việt chưa bỏ dấu có nghĩa riêng, nhưng khi đi với từng dấu nó lại có ý nghĩa khác biệt. Tiếng Việt giàu nhạc tính là vậy. Căn bản lời ca hát xẩm là cô đọng,

đơn giản. Một chữ trong tiếng Việt có thể biến đổi ra nhiều âm và nhiều nghĩa, do đó bắt buộc nghệ nhân phải phát âm lời ca thật chuẩn xác mà thuật ngữ hát xẩm gọi là hát “tròn vành rõ chữ.” Nghệ thuật hát xẩm yêu cầu phải đàn ngọt hát chín. “Hát chín là phải hát rõ từng lời, phải vừa ngọt vừa thanh, vừa trong vừa ấm, lại vang ngân mà phải đậm tình.”<sup>v</sup> Tôi tin rằng hầu hết các bài hát xẩm đều đã hình thành thể điệu ngay khi có lời ca. Lời ca hình thành thể điệu. Hầu hết các bài hát xẩm dùng thể thơ lục bát, một số ít bài theo thể song thất lục bát linh động có thể co giãn, thêm bớt chữ. Những từ đệm hoặc đưa hơi như, “mấy, thì, mà, ừ, ừ, ừ” cũng bộc lộ tính cách phóng túng hát kể chuyện này.

“Lời ca hát xẩm ảnh hưởng sâu sắc và quan hệ mật thiết với tục ngữ dân gian, dân ca và dân nhạc vùng châu thổ sông Hồng, đúng ra vùng trung châu đồng bằng phía Bắc nên mang hầu hết những đặc điểm của văn hóa dân gian.”<sup>vi</sup>

Trong lời ca vốn mộc mạc của hát xẩm luôn biểu lộ rõ nét chân thật và do đó có những phá cách rất bất ngờ, khác xa những quy phạm đạo đức bình thường. Chúng ta sẽ đi vào những làn điệu của hát xẩm.

Điệu 1: Chên bong, bài 1. Tôi sẽ chép nguyên bài để người đọc có khái niệm về cách chia trở/ khổ và cách trùng lặp trong lời ca ở khổ mới.

“Cô giận ai ngày ngày cắp nón ra đi  
Buôn gì chẳng có bán gì thì không  
Cô bực vì một nỗi chưa chồng  
Chín đêm áp bóng nằm không cả mười  
Không chồng khổ lắm chị em ơi  
(hết trở)  
Không chồng khổ lắm chị em ơi  
Có chồng như đũa có đôi thiệt gì  
Có chồng ngủ ngáy tì tì  
Không chồng thức dậy có khi giật mình  
Bắc Nam ơi sao chẳng thương tình  
(hết trở)  
Bắc Nam ơi sao chẳng thương tình  
Đề em gánh vác một mình sao nên  
Lá dong non đem gói bánh không rền  
(hết trở)  
Lá dong non đem gói bánh không rền  
Trách người lịch sự chẳng nên tám chồng  
Vàng mười đem đốt lửa không hồng  
Thương em là gái chưa chồng mà thôi  
Làm trai ba chôn bốn bốn nơi  
Thương thì phận gái như cánh huê rơi một thì  
Phải lòng nhau lấy quách xách tuột nhau đi  
(hết trở)  
Phải lòng nhau lấy quách xách tuột nhau đi  
Đừng chờ ông Tư bà Nguyệt làm chi cho bận lòng

Chiếu chẵn nên đạo vợ chồng  
Đôi ta hạnh ngộ ra lòng trời xui”<sup>vii</sup>

Thì ra cô có giận ai đâu. Cô chỉ giận chính mình vì cái nỗi chưa chồng, “chín đêm ấp bóng nằm không cả mười” thì quá là thương thâm cho cô. Đến nỗi cô phải kêu lên, “không chồng khổ lắm chị em ơi.” Cô gào Bức gọi Nam không xong, cuối cùng cô nổi đóa thỉnh linh, “phải lòng nhau lấy quách xách tuột nhau đi.”

Chúng ta sẽ bắt gặp đâu đó trong hát xẩm người phụ nữ có lúc táo bạo đáng yêu như vậy.

“Sao chàng chẳng nhớ tới tiết mùa đông lạnh lùng  
Chàng nằm đâu chàng ngủ thiếp nằm cùng”<sup>viii</sup>

Hoặc cách tán tỉnh lém lỉnh dân dã của chàng trai:

“Minh chẳng lấy ta ắt là mình thiệt  
Ta không lấy mình ta biết lấy ai”<sup>ix</sup>

Chân thật, dân dã nhưng đôi khi gặp cô nàng treo giá làm khó làm khổ, chàng ta cũng đành đá ra gì:

“Còn duyên nói những bạc cùng vàng  
Hết duyên ốc đực cua càng cũng vợ  
Còn duyên kén chọn trai tơ  
Hết duyên ông lão móm cũng vợ làm chồng  
Còn duyên đóng cửa kén chồng  
Hết duyên cô đứng chông mông mà gào”<sup>x</sup>

Nhưng chỉ là chút đánh đá bổ bã cho vui, không che được sự thuận phác.

Điều 2, “Riềm huê:”

“Thiếp mới gặp chàng  
Chàng vừa gặp thiếp đôi đàng gặp nhau  
Gặp chàng đây mời chàng xoi nước xoi trầu  
Bằng lòng thương yêu lấy thiếp bảo về đâu thiếp cũng về  
Thiếp say chàng quá đổi nên mê  
Chàng về cho thiếp đi kè theo sau”

...

“Tài này sắc ấy xứng đôi vợ chồng  
Em chỉ muốn cho loan phụng một phòng  
Loan ôm lấy phụng phụng bông lấy loan...”<sup>xi</sup>

Chàng trai nào được một cô gái si đắm tới mức này thì quả là diễm phúc. Cô lại rất bạo mồm bạo miệng, nói phứa ra gan ruột của mình. Nhưng cũng có những chàng trai ôm phải nỗi thất bại chua chát:

“Khăn anh nằng lấy vá vai  
Bây giờ nằng đã nghe ai dỗ dành  
Chẳng nên tháo chỉ lấy mụn giả anh  
Đề anh đem bán lấy hai trăm lạng vàng

...

“Đã yêu anh thì quyết với anh  
Nhà tre cột nửa lợp tranh xuềnh xoàng”

...  
“Gỗ lim chạm trở tổ càng mất công”<sup>xii</sup>

Hầu hết những bài hát Xẩm được hình thành từ một vài thập niên đầu thế kỷ 20. Ý, lời, nền tảng căn bản là của dân gian, nhưng đan xen vào bản sự dân gian ấy có nhiều từ ngữ của giới trung lưu sành sỏi. Những từ ngữ ấy khi du nhập vào hát xẩm cũng trở nên thuần phác như cái chất của xẩm.

Điệu 3: Ba Bực.

“Bên thòì mành, gió Nam phảng phất bên thòì mành  
Phảng phất gió đưa bên mành  
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao”

...  
“Tuởng chàng quân tử ra vào phòng nhang  
Kể từ phen đá biết tuổi vàng”

...  
“Tối hôm qua em ngỏ cửa đợi chờ  
Chiêm bao thì thấy dậy sờ chiếu không”

...  
“Thiếp mời chàng vào chung gối loan phòng  
Chung chăn phỉ chí thỏa lòng bấy nay”<sup>xiii</sup>

Không khó để nhận ra rằng trong hát xẩm người phụ nữ thường ngay thật với tình yêu, không màu mè hay thẹn thùng làm dáng mà cứ nói thẳng tuột ra những mơ ước yêu đương lãng mạn của mình, mặc dầu nhiều thân phận phụ nữ trong hát xẩm cũng hết sức khổ cực, sầu thương. Tiêu biểu nhất là trong bài “Dạt nước Cánh bèo,” điệu “Phồn huê” (Điệu 4):

“Lênh đênh dạt nước cánh bèo  
Đã từng lưu lạc lại nhiều gian truân  
Vắt tay lên nằm ngẫm cơ trần  
Đời người mấy lúc gian truân vất vả mà già  
Ai ơi liệu bấy lo ba”

...  
“Đạo bên chồng cũng nặng nghĩa bên cha cũng dày”

...  
“Xót lòng vất vả xa gần  
Không ai vò mà rồi không ai dằn mà đau  
Mình tôi đứng tủi ngồi sầu  
Đã than với nguyệt lại rầu với hoa

...  
“Hồng nhan đã luống công phu  
Kiếp này dang dở đường tu biết mấy mươi lần”

...  
“Thà rằng chẳng dấn cho cam  
Dấn cả vào thùng chàm sao mãi không xanh”<sup>xiv</sup>



Điệu 5: “Hò Bốn mùa”

Thường nói về sinh hoạt bốn mùa 12 tháng của dân gian, nhất là nhà nông.<sup>xv</sup>

Điệu 6: “Hát Ai”

“Con riêng con riêng, mẹ đi lấy chồng kiếm chút con riêng  
Gia tư điền sản bạc tiền mẹ phó giả con riêng  
Bố con chết đi mẹ đây chứ hã còn thềm”

...

“Mẹ xem quẻ tướng thấy hã còn thằng em trong bụng này  
Con vào gọi bà gọi bác gọi chú con ra đây”

...

“Mẹ không sao ở vậy phải bước chân đi lấy chồng  
Mẹ có thác đi con cúng mẹ năm bảy con gà  
Cũng không bằng con để mẹ ra phen này  
Ơi hỡi con ơi”<sup>xvi</sup>

Điệu 7: “Thập Ân”

Nội dung bài “Thập Ân” được lấy từ “Kinh Phụ Mẫu Đại báo Trọng Ân” (Kinh Báo Hiếu.) Như nhiều bộ kinh Phật khác, kinh này được chép lại theo thể vấn đáp giữa Tôn giả A Nan và Đức Thích Ca Mâu Ni. Một hôm từ Tịnh xá Cấp Cô Độc vườn Kỳ Đà, Phật cùng Tôn giả A Nan đi về phía Nam, khi gặp một đồng xương khô bên đường, Đức Phật sụp xuống lạy. Tôn giả A Nan ngạc nhiên hỏi căn do, Phật dạy rằng, vì trong đó có cả xương cha mẹ nhiều đời của mình, và bảo A Nan hãy lạy xương đàn ông và đàn bà để riêng ra. A Nan hỏi làm sao phân biệt được, Đức Phật dạy, xương nào nặng và trắng là của đàn ông, xương nào nhẹ và đen là của đàn bà vì đàn bà phải sinh đẻ. Mỗi lần sinh đẻ là phải trút khí huyết và tinh tủy sang con. Sau đó, Đức Phật giảng dạy về công ơn sinh thành dưỡng dục của phụ mẫu cho A Nan.

“Một ân: Kể từ mẹ mới có thai  
Âm dương mù mịt nào ai biết gì”

...

“Ba ân vừa tới tháng sinh  
Khác nào vượt biển một mình đảm đương”

...

“Bao giờ thấy con đầy mẹ đây mới mừng...”<sup>xvii</sup>

Trong nhiều bộ Kinh, Đức Phật thường dạy, “Khi ta diệt độ rồi, hoặc ở những thời không có Phật tại thế, các Phật tử phải thờ hai vị Phật tại nhà là phụ mẫu của mình cũng như thờ kính ta.”

Những bài xẩm được hát theo những làn điệu khác như sa mạc, trống quân, (có nhiều bài rất ngộ nghĩnh như Thách cưới, Ngược đời, Hội chim, Dâu lười, vv...<sup>xviii</sup>) cho tới Đò đưa, Lý Giao duyên, Cò Lả<sup>xix</sup>, và Hát Ví, Hát Vãn<sup>xx</sup>, điệu Lưu Thủy, Hành Vân, nam Thương, Phù Thủy<sup>xxi</sup> (bài Xóc đĩa, điệu Nhang Hoa, cũng thuộc điệu Phù Thủy.) Ngoài ra còn một số bài kể chuyện<sup>xxii</sup> như Trưng Nữ Vương, Bà Ba Cai Vàng, về ông Đề Thám, chợ Đòng Xuân, và một số bài hát Xẩm được sáng tác bởi các tác giả nổi tiếng như Nguyễn Khuyến, “Mục hạ vô nhân”:

“Mục hạ vô nhân, chúng anh đây là mục hạ vô nhân

Nghe em nhan sắc lòng xuân anh nào nùng

Dù em phấn má chỉ hồng

Dừng dung anh chẳng thềm trông làm gì”<sup>xxiii</sup>

Các tác giả khác là Phan Bội Châu, Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải (rất nổi tiếng với bài “Tiễn chân anh Khóa xuống tàu.”)

Bài viết này căn cứ nhiều vào cuốn sách “Tìm hiểu Nghệ thuật hát Xẩm” của Trần Việt Ngữ. Ông tỏ ra rất quảng bác về âm nhạc cổ truyền Việt Nam, tuy nhiên tôi không đồng ý một số quan điểm của ông về hát xẩm, điển hình là với hai bài “Dứa dại không gai” và “Cô gái Sơn Tây,” điệu huê tình. Đây là hai bài khá đặc sắc, làm nổi bật tính tình nghịch, đùa bỡn của hát Xẩm. Ông không xếp “huê tình” vào trong những làn điệu hát Xẩm mà còn chê bai:

“Thậm chí hàng trăm bài lạm dụng cái tục để gây cười dễ dãi như trong bài ‘Cây dứa Không gai’... Đáng trách hơn nữa là có một số bài đem tạt nguyên con người ra làm trò cười như ‘Anh Còng chị Sút,’ ‘Cô gái Sơn Tây’.”<sup>xxiv</sup>

Nên nhớ nghệ nhân hát xẩm là những người mù, họ không thấy và nghĩ như những người sáng mắt. Hơn nữa, những bài họ hát là sáng tác của thập phương nhiều người. Những nghệ nhân hát xẩm hồn nhiên vô tội, nương theo cái vui của thiên hạ để sống và phát triển nghệ thuật của mình. Biết đâu, cô gái trong bài “Dứa dại không gai” lại bé con bà chị? Hãy đọc:

“Em nói dối anh (ừ ừ) em chưa có chồng (ừ ừ)”

Câu này chứng tỏ chàng trai và cô gái đã biết nhau từ trước.

...

“Hỏi cái gì lù lù trước ngực cô nàng may  
Oản tẻ hay cặp bánh dày... vừa trắng vừa xinh”

...

“Nửa một mai nó xốc xa xốc xếch, xộc xà xộc xếch  
Chẳng còn gì là cái xuân xanh  
Hãy cứ nghe anh  
Chơi xuân mát ruột nó lại lành”

...

“Nghe mấy (ừ) anh, chơi xuân mát ruột càng lành  
Chơi cho (mà) oán tẻ phải đi tìm lấy cậu chuối xanh”<sup>xxv</sup>

Những chữ “xốc xa xốc xếch, xộc xà xộc xếch” là những chữ rất tuyệt. Dùng hình ảnh “oản tẻ, chuối xanh” ẩn dụ chuyện trai gái thì quả là dân dã mà dí dỏm.

Trong bài “Cô gái Sơn Tây,” dễ dàng để biết rằng đây là một cô gái tuyệt đẹp và kiêu kỳ, cô kiêu vì cô đẹp, tất nhiên. Những chàng theo đuổi cô không được bèn họp nhau lại đặt một bài hát nói xấu về cô. Ngôn ngữ chê bai thái thậm, không thể nào tìm được một cô gái xấu đến mức như vậy. Đó là cách nói ngược cho hả tức. Bài hát được đưa cho các nghệ nhân xẩm hát cốt để trả đũa cô gái xinh đẹp vậy thôi. Toàn bài không thấy có chỗ nào ác ý như ông Trần Việt Ngữ đã nói.

“Hai cổ tay cô như hai cái bắp cày  
Thân hình cô nhỏ nhắn coi tày con voi nan  
Nước da cô trắng tựa hòn than”<sup>xxvi</sup>

(Cụ Hà Thị Cầu hát, “Nước da cô trắng tựa cái lõi hòn than.”)  
Rất vui là tôi lại tìm thấy một vài câu Kinh Thi trong Hát Xẩm:

“Hôn nhân lễ đặt gặp thì đào yêu

Trên sông riu rít thư cưu

Thục nữ quân tử hảo cầu đẹp duyên”<sup>xxvii</sup>

Tôi lại tìm ra một bất ngờ lý thú là hát Xẩm chỉ xuất phát và sinh hoạt ở vùng châu thổ sông Hồng nhưng không ít bài hát Xẩm đã sử dụng một số phương ngữ của Đàng Trong, tức là từ Huế xuôi vào Cà Mau. Những phương ngữ “mặt huê” (mặt hoa,) “mần thình” (làm thình,) “thói huê đào” (thói hoa đào,) “má hường” (má hồng,) “vẹn tuyên” (vẹn toàn,) “méch lòng” (mắt lòng.) Ngay cả tên các điệu hát “riềm huê” tức “riềm hoa,” “phồn huê” tức “phồn hoa,” “huê tình” tức “hoa tình...” Có thể tìm thấy ở các bài “Chên bong” (Tr. 49, 52, 53, 57,) “Riềm huê” (Tr. 85), “Đạt nước cánh bèo...”

Nhiều phương ngữ có thể do chuyện kỳ húy của vua chúa ngày xưa mà thành, nhưng một số khác chắc chắn là phương ngữ của Đàng Trong, không thấy dấu vết, căn do của sự kỳ húy, như “mần thình,” tức “làm thình,” “méch/mích lòng,” tức “mắt lòng/phật lòng” của Đàng Ngoài.

2. Nhạc khí: Thử hình dung bài hát Xẩm như một bức tranh thủy mặc mà lời ca là hình họa núi sông, cây cỏ lá hoa, thì âm thanh của nhạc khí là màu sắc, là đường nét đậm nhạt tô điểm lên những núi sông cây cỏ lá hoa đó. (“Các nhạc khí bầu, nhị không kéo theo giai điệu lúc nghệ nhân hát mà chỉ điểm vào những âm chính trong câu, có cặp kè và trống mảnh giữ nhịp cốt nòng thêm cho tiết tấu của lời hát. Trong những khoảng xuyên tâm lưu không, cây đàn mới đi vào đoạn nhạc có tính giai điệu... Tiếng đàn giúp người nghe thấm thêm câu hát.”<sup>xxviii</sup>)

Vì nghệ nhân hát xẩm vừa đàn vừa hát nên sự phối hợp liền lạc không khe hở, ngay cả âm điệu của những nhạc cụ khác như cặp kè, trống mảnh... đều liền hơi với tiếng đàn và giọng hát.

3. Điệu bộ trình diễn: Âm thanh các nhạc khí kết hợp nhất quán với lời ca của nghệ nhân và điệu bộ trình diễn- “ánh sáng của bức tranh.”

I. Các đặc tính của văn chương hát xẩm:

1. Tính chuyển động hay ngẫu hứng sáng tác: Tính chất này rất giống với nhạc Jazz của Tây phương, thay đổi thêm bớt trong mỗi lần trình diễn.
2. Tính hồn nhiên chất phác: Tiếng đàn cò ke (nhị) và những nhạc khí thô sơ nhào trộn cùng tiếng hát chân thật rõ ràng tạo thành thứ ngôn ngữ văn chương hồn nhiên trong sáng khiến cho một bài hát Xẩm dù nói về những chuyện “thô tục” tới đâu cũng không còn “thô, tục.”
3. Tính nghịch ngợm giễu cợt: Đây là mục đích của hát Xẩm, làm vui khán thính giả.
4. Tính có hậu, lạc quan: Những bài kể chuyện của hát xẩm luôn có kết thúc khác biệt với câu chuyện ngoài đời. Hát xẩm không cho phép nhân vật lâm vào thế cùng đường (chuyện Bà Ba Cai Vàng, về ông Đội Cấn)
5. Tính tiếp nhận: hát Xẩm luôn sẵn sàng tiếp nhận những cái mới, lạ từ bên ngoài, biến thành phẩm chất của mình.

II. Kết luận:

Lời ca là chủ thể của văn chương hát Xẩm. Tác giả của những bài hát xẩm là mười phương thiên hạ. Lời của hát xẩm là sự pha trộn cái nhìn của nhiều thành phần trong xã hội, từ bình dân chất phác đến trung lưu sành sỏi, và thỉnh thoảng cũng có những từ của giới trí thức sách vở. Tất cả những bài hát được nghệ nhân xẩm trình bày qua thời gian, trau chuốt thêm bớt gạn lọc nhuần nhuyễn, biến những pha trộn đó thành cái riêng của xẩm, mộc mạc, trong sáng, được nghệ nhân xẩm hồn nhiên cất tiếng hát lên, được điểm xuyết phối hợp cùng những âm thanh các nhạc khí tuy đơn giản thô sơ nhưng đa năng, tinh nghịch, và luôn keo sơn với lời ca, lại được biểu tả bằng những điệu bộ dí dỏm của nghệ nhân. Tất cả nhất quán thành văn chương hát xẩm và tạo cho hát xẩm có một thành tựu đáng kể ngày hôm nay.

---

<sup>i</sup> Alexandre De Rhodes. “Tự điển Annam-Lusitan-Latinh.” 1<sup>st</sup> Ed. NXB Khoa học Xã hội. 1991. (Tr.249-50.)

<sup>ii</sup> “Thách cưới,” Trần Việt Ngữ. “Tìm hiểu Nghệ thuật Hát Xẩm.” NXB Quân đội Nhân dân. 2017. (Tr.131.)

<sup>iii</sup> Trần Việt Ngữ. Sách đã dẫn (Sđd) (Tr. 78-79.)

<sup>iv</sup> Sách đã dẫn (Tr. 55-56.)

<sup>v</sup> Sách đã dẫn (Tr. 37.)

<sup>vi</sup> Sách đã dẫn (Sđd) (Tr. 38-39.)

<sup>vii</sup> Sđd. (Tr. 43-44.)

<sup>viii</sup> Sđd. (Tr. 49.)

<sup>ix</sup> Sđd. (Tr. 56.)

<sup>x</sup> Sđd. (Tr. 59-60.)

<sup>xi</sup> Sđd. (Tr. 78.)

<sup>xii</sup> Sđd. (Tr. 86-87.)

<sup>xiii</sup> Sđd. (Tr. 91.)

<sup>xiv</sup> Sđd. (Tr. 99-102.)

<sup>xv</sup> Sđd. (Tr. 103-106.)

<sup>xvi</sup> Sđd. (Tr. 107.)

<sup>xvii</sup> Sđd. (Tr. 110.)

<sup>xviii</sup> Sđd. (Tr. 131-137.)

<sup>xix</sup> Sđd. (Tr. 140-145.)

<sup>xx</sup> Sđ d. (Tr.146-156.)

<sup>xxi</sup> Sđd. (Tr. 157-172.)

<sup>xxii</sup> Sđd. (Tr. 173-210.)

<sup>xxiii</sup> Sđd. (Tr. 218.)

<sup>xxiv</sup> Sđd. (Tr. 25.)

<sup>xxv</sup> Hát Xẩm “Dứa dại Không gai.” Nghệ nhân Hà Thị Cầu. [https://www.youtube.com/watch?v=6W\\_ChzdAF3o](https://www.youtube.com/watch?v=6W_ChzdAF3o)

<sup>xxvi</sup> Hát Xẩm “cô gái Sơn Tây.” Nghệ nhân Hà Thị Cầu. <https://www.youtube.com/watch?v=Hcodi29d-KA>

<sup>xxvii</sup> Sđd. (tr. 48-49.)

<sup>xxviii</sup> Sđd. (Tr. 28.)